

Số: 506./TB-BVYHCTTW
V/v: Quan trắc môi trường y tế định kỳ

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay Bệnh viện Y học cổ truyền TW có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu Quan trắc môi trường định kỳ. Nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin chung

- Đơn vị yêu cầu báo giá: BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TRUNG ƯƠNG
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Hành chính quản trị (Bộ phận Văn thư) – Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương, số 29 Nguyễn Bình Khiêm, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: 5 ngày kể từ ngày thông báo

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa mời báo giá kèm theo thông báo này.
- 01 bản chính báo giá theo mẫu, có đủ thông tin của cơ sở báo giá và số điện thoại liên hệ, được ký tên, đóng dấu của cơ sở báo giá.
- Hoặc bản PDF và file Danh mục hàng hóa gửi theo địa chỉ email hcqt.vhcttw@gmail.com

Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ Phòng Hành chính Quản trị – Bệnh viện Y học cổ truyền TW, số điện thoại 0934724983 (Cao Thu Hường).

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT; HCQT; CTXH



GIÁM ĐỐC

Vũ Nam

DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI BÁO GIÁ

I. XÉT NGHIỆM NƯỚC SẠCH

Đơn vị tính : vnd

STT	Thông số	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền(VNĐ)
A. Mẫu nước uống trực tiếp từ cây lọc RO (2 mẫu /năm)					
1	Hàm lượng Stibi	mẫu			
2	Hàm lượng mangan	mẫu	1		
3	Hàm lượng Nitrat (NO3-)	mẫu	1		
4	Hàm lượng Nitrit (NO2-)	mẫu	1		
5	Clor	mẫu	1		
6	Clorat	mẫu	1		
7	Hàm lượng Clorit	mẫu	1		
8	Hàm lượng Bromat	mẫu	1		
9	Hàm lượng Cyanid	mẫu	1		
10	Hàm lượng Chi	mẫu	1		
11	Hàm lượng Asen	mẫu	1		
12	Hàm lượng Fluorid	mẫu	1		
13	Hàm lượng Thủy ngân	mẫu	1		
14	Hàm lượng Bari	mẫu	1		
15	Hàm lượng Borat tính theo Bor	mẫu	1		
16	Hàm lượng Cadimi	mẫu	1		
17	Hàm lượng Crom	mẫu	1		
18	Hàm lượng Đồng	mẫu	1		
19	Hàm lượng Molybden	mẫu	1		
20	Hàm lượng Niken	mẫu	1		
21	Hàm lượng Selen	mẫu	1		
22	Tổng hoạt độ α	mẫu	1		
23	Tổng hoạt độ β	mẫu	1		
24	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sunphit	mẫu	1		
25	Streptococci Feacal	mẫu	1		
26	Pseudomonas aeruginosa	mẫu	1		
27	Coliform tổng số	mẫu	1		
28	E.coli	mẫu	1		
	Tổng cộng 1 mẫu				
	Cả năm	Đợt	2		
B. Nước ăn uống sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT (2 mẫu/năm)					
	<i>Chỉ tiêu giám sát mức độ A</i>				
1	Màu sắc	mẫu	1		

2	Mùi*	mẫu	1		
	Vị*	mẫu	1		
3	Độ đục	mẫu	1		
4	Độ pH	mẫu	1		
5	Hàm lượng Clo dư tự do	mẫu	1		
6	Coliform tổng số	mẫu	1		
7	E.coli	mẫu	1		
8	Arsenic (As)	mẫu	1		
	<i>Chỉ tiêu giám sát mức B</i>				
9	Tụ cầu vàng * (Staphylococcus aureus)	mẫu	1		
10	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Aeruginosa)	mẫu	1		
11	Amoni (NH3 và NH4 tính theo N)	mẫu	1		
12	Antimon (Sb)	mẫu	1		
13	Bari	mẫu	1		
14	Bo tính chung cho cả Borat và Axit boric	mẫu	1		
15	Cadimi	mẫu	1		
16	Chì	mẫu	1		
17	Chỉ số Pecmanganat	mẫu	1		
18	Chloride (Cl-)	mẫu	1		
19	Chromi (Cr)	mẫu	1		
20	Đồng	mẫu	1		
21	Độ cứng. tính theo CaCO3	mẫu	1		
22	Fluor (F)	mẫu	1		
23	Kẽm (Zn)	mẫu	1		
24	Mangan (Mn)	mẫu	1		
25	Natri (Na)	mẫu	1		
26	Nhôm	mẫu	1		
27	Niken	mẫu	1		
28	Nitrat (NO3-)	mẫu	1		
29	Nitrit (NO2-)	mẫu	1		
30	Sắt	mẫu	1		
31	Selen *	mẫu	1		
32	Sulfat (SO4)	mẫu	1		
33	Sunfua	mẫu	1		
34	Thủy ngân	mẫu	1		
35	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mẫu	1		
36	Xyanua	mẫu	1		
	<i>Dung môi hữu cơ nhóm Alkan clo hóa</i>				

37	Cacbon tetracloerua	mẫu	1		
38	Diclorometan	mẫu	1		
39	1.2 Dicloroetan	mẫu	1		
40	1.1.1 - Tricloroetan	mẫu	1		
41	Vinyl clorua	mẫu	1		
42	1.2 Dicloroeten	mẫu	1		
43	Tricloroeten	mẫu	1		
44	Tetracloereten	mẫu	1		
	<i>Hydrocacbua thơm</i>				
45	Phenol và dẫn xuất phenol	mẫu	1		
46	Benzen	mẫu	1		
47	Etylbenzen	mẫu	1		
48	Toluen	mẫu	1		
49	Xylen	mẫu	1		
50	Styren	mẫu	1		
	<i>Nhóm Benzen Clo hoá</i>		1		
51	1.2 - Diclorobenzen	mẫu	1		
52	Triclorobenzen	mẫu	1		
53	Monoclorobenzen	mẫu	1		
	<i>Nhóm chất hữu cơ phức tạp</i>	mẫu			
54	Acrylamide	mẫu	1		
55	Epiclohydrin	mẫu	1		
56	Hexacloer butadien	mẫu	1		
	<i>Nhóm hóa chất bảo vệ thực vật</i>				
57	1.2-Dibromo-3 Cloropropan	mẫu	1		
58	1.2 - Dicloropropan	mẫu	1		
59	1.3 - Dichloropropen	mẫu	1		
60	2.4 - D	mẫu	1		
61	2.4 DB	mẫu	1		
62	Alachlor	mẫu	1		
63	Aldicarb	mẫu	1		
64	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	mẫu	1		
65	Carbofuran	mẫu	1		
66	Chlorpyrifos	mẫu	1		
67	Clodane	mẫu	1		
68	Clorotoluron	mẫu	1		
69	DDT	mẫu	1		
70	Cyanazine	mẫu	1		
71	Dichloprop	mẫu	1		
72	Fenoprop	mẫu	1		
73	Hydroxyatrazine	mẫu	1		
74	Isoproturon	mẫu	1		

75	MCPA	mẫu	1		
76	Mecoprop	mẫu	1		
77	Methoxychlor	mẫu	1		
78	Molinate	mẫu	1		
79	Pendimetalin	mẫu	1		
80	Permethrin	mẫu	1		
81	Propanil	mẫu	1		
82	Simazine	mẫu	1		
83	Trifuralin	mẫu	1		
	<i>Thông số hoá chất khử trùng và sản phẩm phụ</i>				
84	2.4.6 Triclorophenol	mẫu	1		
85	Hàm lượng Bromat	mẫu	1		
86	Bromodiclorometan	mẫu	1		
87	Bromoform	mẫu	1		
88	Chloroform	mẫu	1		
89	Dibromoaxetonitril	mẫu	1		
90	Focmaldehyt	mẫu	1		
91	Dibromochloromethan	mẫu	1		
92	Dicloroaxetonitril	mẫu	1		
93	Axit dicloroaxetic	mẫu	1		
94	Monocloramin	mẫu	1		
95	Tricloroacetic acid	mẫu	1		
96	Monochloroacetic acid	mẫu	1		
97	Tricloroaxetonitril	mẫu	1		
98	Tổng hoạt độ α^*	mẫu	1		
99	Tổng hoạt độ β^*	mẫu	1		
	Tổng cả năm	mẫu	2		

C. Nước ăn uống sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT (2 mẫu/năm)

	<i>Chỉ tiêu giám sát mức độ A</i>				
1	Màu sắc	mẫu	1		
2	Mùi*	mẫu	1		
	Vị*	mẫu	1		
3	Độ đục	mẫu	1		
4	Độ pH	mẫu	1		
5	Hàm lượng Clo dư tự do	mẫu	1		
6	Coliform tổng số	mẫu	1		
7	E.coli	mẫu	1		
8	Arsenic (As)	mẫu	1		
	Tổng cộng 1 năm	Đợt	2		

D. Chi phí khác

1	Công lấy mẫu	công	4		
2	Phô tô in ấn	đợt	2		
3	Chi phí đi lại	đợt	4		
	Tổng				
Tổng chi phí cả năm (A+B+C+D)					

II. QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG Y TẾ

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền(VNĐ)
A. Nước thải y tế					
1	pH	mẫu	1		
2	BOD ₅	mẫu	1		
3	COD	mẫu	1		
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mẫu	1		
5	Sunfua	mẫu	1		
6	Amoni	mẫu	1		
7	Nitrat	mẫu	1		
8	Phosphat	mẫu	1		
9	Hàm lượng dầu mỡ	mẫu	1		
10	Coliforms	mẫu	1		
11	Salmonella	mẫu	1		
12	Shigella	mẫu	1		
13	Vibrio cholera	mẫu	1		
14	Tổng hoạt độ Alpha	mẫu	1		
15	Tổng hoạt độ Beta	mẫu	1		
16	Tổng chất rắn hoà tan	mẫu	1		
17	Tổng chất hoạt động bề mặt	mẫu	1		
	Tổng cộng				
	Cả năm	Đợt	2		
B. Chất lượng không khí					
1	Độ rung	mẫu	4		
2	Ôn chung	mẫu	4		
	Tổng cộng				
	Cả năm	Đợt	2		
C. Rác thải y tế					
1	Quan trắc rác thải y tế	công	6		
	Tổng cộng cả năm	Đợt	2		
D. Chi phí khác					
1	Công lấy mẫu và đo tại hiện trường	8			
2	Viết báo cáo	2			
3	Phô tô in ấn	2			
4	Chi phí đi lại	2			

	Tổng cộng				
	Tổng quan trắc cả năm (A+B+C+D)				

III. TRỌN GÓI XÉT NGHIỆM NƯỚC VÀ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG Y TẾ

Tổng chi phí (I +II)

Thuế VAT

Tổng giá thành (bao gồm VAT)

